

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 - 2026
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan; Ông Dương Đức Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn, nuôi con chung”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 5 Lâm Tr, xã Phong Nh, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ cần báo: Thôn Nam S, xã Nghĩa H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Xuân Á, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 5 Lâm Tr, xã Phong Nh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và Anh Lê Xuân A tìm hiểu, kết hôn hoàn toàn tự nguyện ngày 15/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lâm Tr, huyện Bồ Tr, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Phong Nh, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh A hay uống rượu, không lo cho gia đình, có khi còn bạo lực với chị. Chị T đã bỏ về nhà ngoại sinh sống mấy năm nay. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh A, vợ chồng không thể có cơ hội chung sống với nhau được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015. Hiện các con đang ở cùng với anh A. Ly hôn chị T đồng ý giao hai con cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị T vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn anh Lê Xuân A tại bản tự khai và phiên hòa giải trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh A thống nhất với phần trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Anh A cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì đến mức trầm trọng phải ly hôn. Anh A thừa nhận chị T đã về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân đã mấy năm nay. Anh A mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh A thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015. Hiện các con đang ở cùng với anh A. Anh A mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy và chăm sóc các con. Tuy nhiên, nếu ly hôn anh A có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh A thừa nhận vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Xuân A vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ việc nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Xuân A.

+Về con chung: Giao hai con chung Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015 cho anh Lê Xuân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn anh Lê Xuân A có nơi cư trú tại Thôn 5 Lâm Tr, xã Phong Nh, tỉnh Quảng Trị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự và Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Xuân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vụ án đã hoãn 1 lần ngày 09/02/2026. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Xuân A là hợp pháp. Vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chia sẻ, không có trách nhiệm với nhau. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ ở và sống ly thân với anh A đã mấy năm nay. Hiện tại không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự do cuộc sống riêng của mình. Do vậy, cần xác định mâu thuẫn quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh A đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015. Hiện hai con đang ở cùng với anh A. Ly hôn anh A có nguyện vọng nuôi cả hai con, chị T đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con muốn được ở với anh A. Căn cứ Điều 81, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận giao hai con chung Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Xuân A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Xuân A.

2. Về con chung: Giao con Lê Lê N, sinh ngày 01/12/2010 và Lê Bảo Ch, sinh ngày 02/10/2015 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, chị Lê Thị T và anh Lê Xuân A đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001042 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, chị Tình còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa

đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THA Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã Ký

Hoàng Thị Thu

